TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 01 – 2018
V/v tranh chấp ly hôn giữa
bà T và ông L.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Long

Ông Lê Quốc Tiết

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 266/2017/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXX-ST ngày 04 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị T, sinh năm 1976
Địa chỉ HKTT: Khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.
Địa chỉ tạm trú: khu phố 4B, phường 3, thành phố T, tỉnh Long An.
Bị đơn: Ông Trương Thành L, sinh năm 1982
Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

(Bà T có mặt, ông L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Mai Thị T trình bày:

Bà và ông L kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, hôn nhân do hai bên tự tìm hiểu. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bà và ông L không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Bà và ông L không còn chung sống với nhau từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay. Bà thấy vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông L.

Về con chung: Không có.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ông Trương Thành L là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Mai Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trương Thành L. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Trương Thành L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Thấy rằng, bà T và ông L kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 22/11/2004. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà T, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L đã xảy ra nhiều mâu thuẩn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm. Bà T và ông L không còn sống chung với nhau từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không đến Tòa án, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T yêu cầu ly hôn với ông L là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung: Bà T và ông L không có con chung.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Mai Thị T và ông Trương Thành L.

2. Về án phí: Bà Mai Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007941 ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Long An;
- VKS huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;
- UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu HS.